

Số: 16/2025/QĐST-DS

Hưng Yên, ngày 23 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 209, 218, 649, 651, 652 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 22/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên

Nay là: Thôn Đ, xã V, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Công ty L3;

Địa chỉ trụ sở: Phòng 918, tầng I, tòa nhà C, số C phố D, phường C, thành phố Hà Nội.

Người được cử thực hiện việc ủy quyền:

Ông Dương Đức T - Giám đốc Công ty L3 - Luật sư thành viên.

* **Bị đơn:** Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Nay là: Thôn Đ, xã V, tỉnh Hưng Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Bà Nguyễn Thị D - Luật sư thuộc Công ty L4.

Địa chỉ: Thôn V2, xã N1, thị xã M2, tỉnh Hưng Yên.

Nay là: Thôn V2, phường Đ, tỉnh Hưng Yên.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Hoàng Thị M1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn C, xã H2, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Nay là: Thôn C, xã H2, tỉnh Hưng Yên.

2. Chị Hoàng Mỹ L, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Nay là: Thôn Đ, xã V, tỉnh Hưng Yên

3. Chị Hoàng Thị L1, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn Đ1, xã L2, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Nay là: Thôn Đ1, xã V, tỉnh Hưng Yên.

4. Ông Hoàng Văn D1, sinh năm 1959.

5. Ông Hoàng Xuân D2, sinh năm 1970.

6. Ông Hoàng Xuân D3, sinh năm 2002.

7. Ông Hoàng Văn D4, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Nay là: Thôn Đ, xã V, tỉnh Hưng Yên

8. Bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1955.

Địa chỉ: thôn N2, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Nay là: thôn N2, xã V, tỉnh Hưng Yên.

9. Bà Nguyễn Thị D5, sinh năm 2003.

10. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã T4, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Nay là: Thôn P, xã M3, tỉnh Hưng Yên.

11. Bà Hoàng Thị M2, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn Đ3, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Nay là: Thôn Đ3, xã V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Hoàng Thị M1, chị Hoàng Mỹ L, bà Hoàng Thị T2, ông Hoàng Văn D1, ông Hoàng Xuân D2, chị Nguyễn Thị D5, ông Nguyễn Văn T3, bà Hoàng Thị M2, anh Hoàng Xuân D3, anh Hoàng Văn D4: Chị Hoàng Thị L1, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn Đ1, Xã L2, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Nay là: Thôn Đ1, xã V, tỉnh Hưng Yên.

12. Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Nay là: Thôn Đ, xã V, tỉnh Hưng Yên.

13. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên: Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ: xã V, tỉnh Hưng Yên

14. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện V

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện V: Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ: xã V, tỉnh Hưng Yên

15. Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân xã T: Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ: xã V, tỉnh Hưng Yên. 16. Văn phòng C3

Địa chỉ: Phố N, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

Nay là: Phố Nối, xã N, tỉnh Hưng Yên.

16. Văn phòng C3

Địa chỉ: Phố N, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

Nay là: Phố Nối, xã N, tỉnh Hưng Yên.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các đương sự điều thừa nhận:

Ông Hoàng Văn T4 có vợ cả là bà Chu Thị C đã ly hôn năm 1992. Ông T4 và bà C có 02 con chung là chị Hoàng Thị V, sinh năm 1987 và anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1989. Vợ hai của ông T4 là bà Hoàng Thị M. Ông T4 và bà M có 03 người con chung là chị Hoàng Thị M1, sinh năm 1993, chị Hoàng Thị L1, sinh năm 1996 và chị Hoàng Mỹ L, sinh năm 2002. Ông Hoàng Văn T4 chết ngày 30/07/2022, không để lại di chúc. Bố mẹ đẻ ông T4 là cụ Hoàng Văn L2 và cụ Trần Thị C1. Cụ L2 chết ngày 21/12/2022, cụ củ chết ngày 21/8/2013. Cụ L2 và cụ C1 đều không để lại di chúc. Bố mẹ đẻ cụ L2 đã chết từ lâu và chết trước cụ L2, cụ C1. Cụ L2 và cụ C1 có 07 người con gồm:

1/ Bà Hoàng Thị T2, sinh ngày 23/10/1955

2/ Ông Hoàng Văn D1, sinh ngày 20/06/1959

3/ Ông Hoàng Văn T4, sinh ngày 17/01/1962 (Đã chết ngày 30/7/2022).

4/ Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1966. Đã chết ngày 20/05/2006. Bà N có chồng là ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1960 và 01 con đẻ là chị Nguyễn Thị D5, sinh năm 2003.

5/ Ông Hoàng Văn C2, sinh ngày 23/04/1967. Ông Hoàng Văn C2 đã chết ngày 20/7/2013. Ông C2 có vợ là bà Đào Thị V1, sinh năm: 1966 và 02 người con đẻ là Hoàng Xuân D6, sinh năm 1992 và Hoàng Xuân D3, sinh năm 2002.

6/ Ông Hoàng Xuân D2, sinh ngày 02/02/1970.

7/ Bà Hoàng Thị M2, sinh ngày 01/01/1975.

2.2. Về tài sản chung và phần di sản của ông Hoàng Văn T4 trong khối tài sản chung, các đương sự đều thống nhất xác định:

Quyền sử dụng thửa đất số 252/11, tờ bản đồ số 10, diện tích 442 m² tại địa chỉ: xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là xã V, tỉnh Hưng Yên) được ghi nhận trên Giấy chứng nhận QSDĐ số DG 859144 cấp ngày 08/06/2022, sổ vào sổ cấp GCN: CS03698 mang tên hộ ông Hoàng Văn L2. Diện tích đất này được giao cho 05 nhân khẩu là: Cụ Hoàng Văn L2 (Đã chết ngày 21/12/2022), cụ Trần Thị C1 (Đã chết ngày 21/08/2013), bà Hoàng Thị N, sinh năm 1966 (đã chết ngày 20/06/2006), bà Hoàng Thị M2, sinh năm 1975; ông Hoàng Xuân D2, sinh năm 1970).

Theo Quyết định số 3838/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 và Quyết định số 3847/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND huyện V (cũ) về việc thu hồi, phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường ĐH.22 kéo dài từ ĐH.23 đến ĐT.379 trên địa bàn xã T, huyện V thì thửa đất 252/11 đã bị thu hồi 2.7 m² Quyết định số 3838/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND huyện V (cũ).

Theo kết quả định giá tài sản, thửa đất số 252/11 có giá là 115.000 đồng/m².

2.3. Các đương sự thỏa thuận như sau:

Bà Hoàng Thị M được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 252/11, diện tích 442 m², tờ bản đồ số 10, địa chỉ: xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là thôn Đ, xã V, tỉnh Hưng Yên) được ghi nhận trên Giấy chứng nhận QSDĐ số DG 859144 cấp ngày 08/06/2022, sổ vào sổ cấp GCN: CS03698 mang tên Hộ ông Hoàng Văn L2, hiện đã bị thu hồi 2.7 m² theo .

Trên cơ sở diện tích đã được phân chia, bà M có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật

Về tài sản trên đất: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các yêu cầu sau:

- Đề nghị Tòa án xác định phần di sản của ông Hoàng Văn T4 trong

quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 319, tờ bản đồ số 30, diện tích 216.8 m² đất ở, địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên theo Giấy CNQSDĐ số CM 099529 cấp ngày 09/12/2019 mang tên hộ ông Hoàng Văn T4 và bà Hoàng Thị M và chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản trên của ông Hoàng Văn T4;

- Tuyên bố Văn bản từ chối nhận Di sản thừa kế ngày 5/10/2022, số công chứng 4457, quyển số 10/2022 TP/CC-SCC/HĐGD của ông Hoàng Văn L2 được lập tại Văn phòng C3 vô hiệu toàn bộ.

- Giải quyết số tiền đền bù đối với 2,7 m² đất đã bị thu hồi.

2.5. Về án phí: Bà Hoàng Thị M tự nguyện chịu toàn bộ 2.525.975 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 9.295.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002907 ngày 28/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, nay là Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Bà M đã nộp đủ án phí và được trả lại 6.769.025 đồng (sáu triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn không trăm hai mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này đọc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người đọc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND K4 - Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị M4